UBND TỈNH LẠNG SƠN **SỞ CÔNG THƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 154 /TB-SCT	*Lạng Sơn, ngày 09 tháng 10 năm 2026*

THÔNG BÁO
Quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản năng lượng nhóm I (than nâu) tại mỏ than Na Dương thuộc xã Na Dương và xã Lợi Bác, tỉnh Lạng Sơn.

Kỳ quyết toán: Từ năm 2014 đến hết ngày 30/6/2025

Kính gửi: Thuế tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Địa chất và khoáng sản ngày 29/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản ngày 11/12/2025;

Căn cứ Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 21/2026/NĐ-CP ngày 16/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phương pháp xác định chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt chi phí đánh giá tiềm năng khoáng sản, thăm dò khoáng sản phải hoàn trả; mẫu văn bản trong hồ sơ xác định, phê duyệt, quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; mẫu văn bản trong đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 05/2026/TT-BNNMT ngày 16/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 38/2025/TT-BNNMT ngày 02/7/2025;

Căn cứ Quyết định số 15/2012/QĐ-UBND ngày 07/6/2012 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 49/2018/QĐ-UBND ngày 22/8/2018 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc sửa đổi Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 29/6/2018;

Căn cứ Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2019 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 02/2020/QĐ-UBND ngày 17/01/2020 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2020 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 01/2021/QĐ-UBND ngày 12/01/2021 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2021 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 34/2021/QĐ-UBND ngày 04/12/2021 của UBND tỉnh ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2022 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 36/2022/QĐ-UBND ngày 13/12/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2023 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 05/2024/QĐ-UBND ngày 17/01/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2024 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 57/2024/QĐ-UBND ngày 18/12/2024 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên năm 2025 đối với nhóm, loại tài nguyên có tính chất lý, hóa giống nhau trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 3227/GP-BTNMT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin khai thác than bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Na Dương thuộc thị trấn Na Dương và các xã Tú Đoạn, Đông Quan, Sàn Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 570/QĐ-BTNMT ngày 16/3/2023 và Quyết định số 571/QĐ-BTNMT ngày 16/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản "cho phép Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin khai thác than bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Na Dương thuộc thị trấn Na Dương và các xã Tú Đoạn, Đông Quan, Sàn Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn như sau: "Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin" điều chỉnh thành "Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP"";

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số 239/GP-BNNMT ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp cho Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP khai thác than bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Na Dương thuộc xã Na Dương và xã Lợi Bác, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 3292/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ than Na Dương thuộc thị trấn Na Dương và các xã Tú Đoạn, Đông Quan, Sàn Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ Quyết định số 2449/QĐ-BTNMT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ than Na Dương thuộc các xã Đông Quan, Sàn Viên và thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình (nay là các xã Na Dương và Lợi Bác), tỉnh Lạng Sơn (Dự án mở rộng nâng công suất).

Trên cơ sở hồ sơ đề nghị quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ than Na Dương thuộc xã Na Dương và xã Lợi Bác, tỉnh Lạng Sơn của Tổng

Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP nộp trực tuyến, tiếp nhận ngày 27/8/2026; Biên bản quyết toán tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ngày 09/10/2026 của Sở Công Thương phối hợp với Sở Tài chính; Thuế tỉnh Lạng Sơn; UBND xã Na Dương, UBND xã Lợi Bác và Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP, Sở Công Thương thông báo cho Thuế tỉnh Lạng Sơn nội dung quyết toán tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với khoáng sản năng lượng nhóm I (than nâu) tại mỏ than Na Dương thuộc xã Na Dương và xã Lợi Bác, tỉnh Lạng Sơn của Tổng Công ty công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP theo Giấy phép khai thác khoáng sản số 3227/GP-BTNMT ngày 30/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin khai thác than bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Na Dương thuộc thị trấn Na Dương và các xã Tú Đoạn, Đông Quan, Sàn Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 570/QĐ-BTNMT ngày 16/3/2023 và Quyết định số 571/QĐ-BTNMT ngày 16/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản "*cho phép Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin khai thác than bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Na Dương thuộc thị trấn Na Dương và các xã Tú Đoạn, Đông Quan, Sàn Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn như sau: "Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc - Vinacomin" điều chỉnh thành "Tổng công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP"";* Giấy phép khai thác khoáng sản số 239/GP-BNNMT ngày 30/06/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường cấp cho Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP khai thác than bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Na Dương thuộc xã Na Dương và xã Lợi Bác, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 3292/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ than Na Dương thuộc thị trấn Na Dương và các xã Tú Đoạn, Đông Quan, Sàn Viên, huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn; Quyết định số 2449/QĐ-BTNMT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ than Na Dương thuộc các xã Đông Quan, Sàn Viên và thị trấn Na Dương, huyện Lộc Bình (nay là các xã Na Dương và Lợi Bác), tỉnh Lạng Sơn (Dự án mở rộng nâng công suất), như sau:

STT	**Năm**	**Loại khoáng sản**	**Số tiền thông báo nộp (đồng)**	**Số tiền quyết toán (đồng)**	**Chênh lệch (đồng)**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)=(5)-(4)*
1	2014	Than nâu	6.427.831.000	3.076.005.672	-3.351.825.328
2	2015	Than nâu	6.427.831.000	4.211.096.688	-2.216.734.312
3	2016	Than nâu	6.427.831.000	4.133.045.088	-2.294.785.912
4	2017	Than nâu	6.427.831.000	3.664.435.896	-2.763.395.104
5	2018	Than nâu	8.805.248.000	5.944.590.000	-2.860.658.000
6	2019	Than nâu	8.805.248.000	6.362.388.000	-2.442.860.000

7	2020	Than nâu	8.805.248.000	5.918.540.400	-2.886.707.600
8	2021	Than nâu	13.383.977.000	8.407.421.568	-4.976.555.432
9	2022	Than nâu	13.383.977.000	8.713.136.736	-4.670.840.264
10	2023	Than nâu	13.383.977.000	7.980.769.728	-5.403.207.272
11	2024	Than nâu	13.383.977.000	4.723.983.072	-8.659.993.928
12	30/6/2025	Than nâu	6.691.988.500	2.466.421.920	-4.225.566.580
Tổng			**112.354.964.500**	**65.601.834.768**	**46.753.129.732**

Số tiền thông báo thừa so với số tiền quyết toán là: **46.753.129.732 đồng**. Sở Công Thương thông báo để Thuế tỉnh Lạng Sơn biết và thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- UBND tỉnh (để b/c);
- Cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (để b/c);
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV - CTCP [1];
- Các Sở: NN&MT, TC;
- UBND các xã: Lợi Bác, Na Dương;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, ĐCKS.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ CÔNG THƯƠNG
TỈNH LẠNG SƠN

Hoàng Cao Thượng

[1] Địa chỉ: số 1, Phan Đình Giót, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội